

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương

Ông Lê Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2023/TLST- HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Đào Văn M, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn 7, xã Q, huyện Quảng X, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Hà Thị T; vợ: Trần Thị K, có 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Đình H - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Lê Đình T - sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Lê Thiên V - sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, bản thân có sẵn nguồn vốn tích lũy từ trước nên từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10/2022, Đào Văn M đã sử dụng tiền cá nhân

cho một số người dân vay với lãi suất từ 121,7%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mỗi khi có khách vay tiền, tùy vào mối quan hệ giữa Minh và khách vay để M đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, nếu khách vay đồng ý, M sẽ đưa tiền cho khách vay và cắt lãi tháng đầu, các tháng tiếp theo khách phải trả lãi hàng tháng cho Minh theo như thỏa thuận cho đến khi nào khách trả hết tiền gốc.

Cụ thể từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022, Đào Văn M cho các khách vay như sau:

1. Ngày 07/6/2021, M cho anh **Lê Đình H** vay số tiền 40.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,7%/1 năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả là 4.000.000đ. Khi cho vay Minh không cắt tiền lãi trước. Đến ngày 07/02/2023, anh H đã trả cho M 20 tháng tiền lãi là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Lúc này do anh H gặp khó khăn về kinh tế không tiếp tục trả lãi được nên M thống nhất với anh H là từ tháng 3/2023, M không lấy lãi của khoản vay này nữa. Còn số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì cứ 10 ngày H phải trả cho M 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến hết, tuy nhiên đến nay anh H vẫn chưa trả được số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho M. Mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đối với khoản vay này trong 20 tháng là 13.150.685đ (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám lăm đồng); số tiền M thu lời bất chính là 66.849.315đ (Sáu mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

2. Ngày 17/6/2021, M cho anh **Lê Đình T** vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,7%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh T phải trả là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Khi cho vay, M cắt trước 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của tháng đầu tiên và đưa cho anh T 4.500.000đ. Đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), số tiền lãi anh T phải trả cho Minh theo thỏa thuận là 22 tháng 3 ngày tương ứng với số tiền 11.050.000đ (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Mức lãi suất tối đa theo quy định tại Bộ luật dân sự đối với khoản vay của anh T trong thời hạn 22 tháng 3 ngày là 1.643.836đ (Một triệu sáu trăm bốn ba nghìn tám trăm ba sáu đồng); số tiền M nhằm thu lời bất chính là 9.233.562đ (Chín triệu hai trăm ba ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng). Thực tế anh T mới trả cho M được 20 tháng lãi với số tiền là 10.000.000đ (trong đó, lãi theo quy định là 1.643.836, thu lời bất chính là 8.356.164 đồng), còn đang nợ lại 2 tháng 3 ngày lãi với số tiền 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

3. M cho Anh **Lê Thiên Vũ** vay 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 07/02/2022, M cho anh V vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 5000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh V phải trả là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi cho vay M cắt trước 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của tháng đầu tiên và đưa cho anh V 8.500.000đ. Đến

ngày 07/10/2022 anh V đã trả cho Minh 08 tháng tiền lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS đối với khoản vay này là 1.315.068đ (Một triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng); số tiền M thu lời bất chính là 10.684.932đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

- Lần thứ 2: Ngày 07/10/2022, M cho anh V vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) không ấn định ngày trả tiền gốc, với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,7%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh V phải trả là 500.000đ. Khi cho vay, M cắt trước 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền lãi của tháng đầu tiên và đưa cho anh V 4.500.000đ. Đến ngày 07/01/2023 anh V đã trả cho M 03 tháng tiền lãi là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm đồng) và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc. Trong đó theo mức lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định đối với khoản vay này thì số tiền lãi hợp pháp là 246.575đ (Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng); số tiền M thu lời bất chính là 1.253.425đ (Một triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Tổng số tiền gốc Đào Văn M cho anh V vay hai lần là 10.000.000đ (lần vay ngày 07/10/2022 M lấy tiền anh V vừa trả để xoay vòng tiếp tục cho anh V vay), tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tính đến ngày kết thúc của hai khoản vay (ngày 07/10/2022 và ngày 07/01/2023) là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của hai khoản vay là 1.561.643đ (Một triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn ba đồng); số tiền M thu lời bất chính là 11.938.357đ (Mười một triệu chín trăm ba tám nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng).

Như vậy, Trong thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10/2022, Đào Văn M đã sử dụng số tiền **55.000.000đ** (Năm mươi lăm triệu đồng) cho 03 khách vay với lãi suất từ 121,7%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trong đó: Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa Đào Văn M với với ba khách vay trên là **104.550.000đ** (Một trăm lẻ bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của các khoản vay trên là **16.528.767đ** (Mười sáu triệu năm trăm hai tám nghìn bảy trăm sáu bảy đồng). Số tiền Đào Văn M thu lời bất chính là **88.021.233đ** (Tám tám triệu không trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKSQX ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Đào Văn M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 80.000.000đ đến 85.000.000đ. Do bị cáo áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không phạt bổ sung bị cáo là phù hợp.

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản nợ gốc: Tổng số tiền 55.000.000 đồng là tiền Đào Văn M sử dụng cho khách vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu xung công quỹ nhà nước. Trong đó tịch thu của Đào Văn M 10.000.000 đồng là tiền gốc anh V đã trả cho M, Tịch thu của Lê Đình H số tiền 40.000.000 đồng; tịch thu của Lê Đình T 5.000.000đ là tiền H và T còn nợ của M để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Tổng số tiền 16.356.164 đồng là tiền lãi M thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Đào Văn M để sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Đào Văn M đã thu của người vay là 87.143.836đ, gồm: Lê Đình H số tiền 66.849.315đ; Lê Thiên Vũ số tiền 11.938.357đ; Lê Đình T số tiền 8.356.164đ. Quá trình điều tra xác định các anh H, V, T vay tiền của M sử dụng vào mục đích hợp pháp, do vậy cần buộc Đào Văn M phải trả lại số tiền trên cho các anh H, V, T theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ.

[2.1]. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong thời gian từ tháng tháng 6 năm 2021 đến tháng 10/2022, **Đào Văn M** đã sử dụng số tiền **55.000.000đ** (Năm mươi lăm triệu đồng) cho 03 khách vay với lãi suất từ 121,7%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, thu lời bất chính là **88.021.233đ** (Tám tám triệu không trăm hai mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

[2.2]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố **Đào Văn M** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn

cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của **Đào Văn M** có đầy đủ dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 121,7%/năm đến 182,5%/năm, gấp từ 6,08 đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải được xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân chưa tiền án tiền sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có bổ đề là thương binh, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được qui định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp, khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét tính chất mức độ, hành vi của bị cáo để có mức phạt cho phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Đối với số tiền nợ gốc 10.000.000đ mà người vay là anh Lê Thiên V đã trả cho bị cáo. Đây là tiền M sử dụng làm phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần tịch thu ở bị cáo M 10.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho M gồm: anh Lê Đình H số tiền 40.000.000đ; anh Lê Đình T 5.000.000đ. Đây là số tiền M dùng vào việc phạm tội áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS buộc anh H phải nộp lại số tiền 40.000.000 đồng, buộc anh T phải nộp lại số tiền 5.000.000đ để tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

[6.3]. Đối với số tiền 16.356.164đ là tiền lãi M thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Đào Văn M để sung quỹ Nhà nước.

[6.4]. Đối với số tiền Minh đã thu lãi của những người vay vượt quá qui định của BLDS gồm: Lê Đình H số tiền 66.849.315đ; Lê Thiên Vũ số tiền 11.938.357đ;

Lê Đình T số tiền 8.356.164đ. Quá trình điều tra xác định các anh H, V, T vay tiền của M sử dụng vào mục đích hợp pháp. Đây là khoản tiền M thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc Đào Văn M phải trả lại số tiền trên cho các anh H, V, T theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35; BLHS; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- **Tuyên bố:** Đào Văn M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- **Xử phạt:** Đào Văn M 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- **Về các biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu bị cáo số tiền 10.000.000đ và 16.356.164đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu từ anh Lê Đình H số tiền 40.000.000đ; anh Lê Đình T 5.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Lê Đình H số tiền 66.849.315đ; anh Lê Thiên V số tiền 11.938.357đ; anh Lê Đình T số tiền 8.356.164đ

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

